

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2019.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gạt

2. Bà Lê Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Trần Thị Thanh T trình bày về yêu cầu khởi kiện: Bà và ông Nguyễn T kết hôn với nhau vào ngày 08/7/2011 tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, ông T nhiều lần đánh bà. Cuối năm 2018 bà đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống, ông T cũng không quan tâm đến bà. Nay bà Trần Thị Thanh T xác định không còn yêu thương ông T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Hân D, sinh ngày 14/6/2012. Ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2019, ông Nguyễn T trình bày: Vợ chồng kết hôn như bà Trần Thị Thanh T trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn năm 2013. Lý do, sống đôi lúc xảy ra mâu thuẫn ông có đánh bà T. Năm 2018 bà T viết đơn đòi ly hôn nhưng ông T không đồng ý vì ông còn thương vợ.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Hân D, sinh ngày 14/6/2012. Nếu buộc phải ly hôn, nguyện vọng của ông T là được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Nguyễn T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn T; giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn T các Thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không tham gia các phiên họp và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 08/7/2011 tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và pháp luật bảo vệ.

Quá trình sống chung, giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn T phát sinh mâu thuẫn, ông Nguyễn T có đánh bà T dẫn đến năm 2018 bà T dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với ông Nguyễn T. Theo Biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông Nguyễn T, bà T thì địa phương xác nhận vợ chồng bà T có xảy ra mâu thuẫn cãi vã qua lại, nguyên nhân địa phương không nắm rõ; từ tháng 11/2018 bà T đã dẫn con đi khỏi địa phương. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã 2 lần thông báo về phiên hòa giải để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Nguyễn T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà T cương

quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn T.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn T xác định vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hân D, sinh ngày 14/6/2012. Ly hôn, các bên đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của các bên là chính đáng, phù hợp với đạo lý và pháp luật, tuy nhiên cháu Nguyễn Hân D là nữ giới, tuổi còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ nên giao cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Thanh T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. **Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Hân D, sinh ngày 14/6/2012 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn T có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tại Biên lai thu số 0002177 ngày 19/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang; bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/8/2019). Ông Nguyễn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Phong (*Trích lục kết hôn số 629/TLKH-BS ngày 19/9/2016 của UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn